

# VỀ DẠY TỪ VỰNG TIẾNG NGA

TS. Trịnh Thị Phan Anh

Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG HN

Tel: 0904.233.798

Email: trphananh@yahoo.com

## Tóm TẮT

*Mở rộng vốn từ luôn chiếm một vị trí quan trọng trong dạy và học ngoại ngữ. Dạy từ vựng như thế nào để người học không chỉ đọc được văn bản hay hoàn thành tốt các bài thi và kiểm tra, mà còn có thể dễ dàng sử dụng từ vào mục đích giao tiếp. Dạy như thế nào để người học ghi nhớ từ nhanh hơn và lâu hơn, để việc học từ trở nên nhẹ nhàng hơn và thú vị hơn. Bài viết dưới đây là những kinh nghiệm ban đầu của một giáo viên tiếng Nga đang đi tìm lời giải đáp cho những câu hỏi trên.*

**Từ khóa:** dạy từ mới, dạy từ vựng, học từ

Sau hơn 10 năm giảng dạy tiếng Nga, tôi nhận ra rằng người Việt chưa bao giờ yêu thích và đánh giá đúng mức tầm quan trọng của việc học từ và mở rộng vốn từ. Đáng tiếc hơn nữa, việc học từ thường chỉ dừng lại ở mức độ nhận biết từ với một trong các nghĩa của nó, viết đúng từ, hay may mắn hơn thì biết biến đổi từ theo đúng các quy tắc ngữ pháp. Phát âm chuẩn xác, sử dụng từ đúng và thành thạo (bao gồm những hiểu biết về sự đa nghĩa của từ, khả năng kết hợp từ, văn phong v.v.) vẫn chưa phải là cái đích để đa số người dạy hướng tới và người học bằng mọi giá phải đạt được. Thành tích học ngoại ngữ của người Việt nói chung vẫn chỉ là khả năng nắm vững ngữ pháp và một số kỹ năng đọc sơ khai. Người học không thể giao tiếp bằng tiếng nước ngoài, mắc nhiều lỗi do chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng không mong muốn này chính là thái độ và phương pháp dạy – học từ chưa thật hợp lý. Bài viết của chúng tôi không nhằm mục đích gì khác ngoài việc góp thêm một tiếng nói để cải thiện bức tranh dạy – học ngoại ngữ nói chung và tiếng Nga nói riêng tại Việt Nam, cụ thể là ở mảng từ vựng.

## 1. Dạy như thế nào để sử dụng được từ vào mục đích giao tiếp

Dạy từ vựng không đơn thuần chỉ là giúp học sinh học thuộc từ, mà phải nắm được mối liên hệ giữa các từ về mặt ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa và cả mối quan hệ liên tưởng (Крючкова Л.С. Практическая методика обучения русскому языку как иностранному: учеб. пособие / Л.С. Крючкова, Н.В. Мощинская. - 4-е изд. - М.: ФЛИНТА: Наука, 2013. - стр. 119).

Điều đó có nghĩa là ngay từ giờ học tiếng Nga đầu tiên người học đã phải biết rằng từ có vỏ âm thanh (ta sẽ phải đọc nó lên), có vỏ chữ viết (ta sẽ phải viết nó ra), từ có nghĩa, có các

hình thái ngữ pháp khác nhau (danh từ, tính từ biến đổi theo giống, số, cách; động từ chia theo ngôi v.v.), từ có thể kết hợp với các từ khác để tạo thành câu, từ cũng có thể tạo nên các mối quan hệ liên tưởng khác nhau v.v.

Như vậy, dạy một từ mới là dạy học sinh đọc đúng từ, viết đúng từ, nắm được nghĩa của từ, biết cách biến đổi từ và quan trọng nhất là biết cách sử dụng từ vào mục đích giao tiếp.

### *Bước 1. Dạy phát âm*

Trước hết, người học phải biết đọc đúng từ (âm và trọng âm). Có thể nói, phát âm sai hoặc sai trọng âm là nhược điểm lớn nhất của học sinh, sinh viên Việt Nam khi học tiếng Nga. Không ai có thể phủ nhận rằng, những khác biệt trong hệ thống ngữ âm của hai thứ tiếng Nga, Việt là một trở ngại lớn đối với người học. Tuy nhiên, với những điều kiện học ngoại ngữ hiện đại ngày nay (video, audio...), thì chúng ta hoàn toàn có thể khắc phục khó khăn này. Vấn đề là ở chỗ người thầy chưa chú trọng đúng mức đến việc dạy học sinh đọc đúng từ ngay từ lần đầu, sau thành thói quen, rất khó sửa. Nói sai nên không ai hiểu, và bản thân người nói sai thì khó có thể nghe được từ, khó có thể viết đúng từ, rất cuộc, học nhiều mà không giao tiếp được, dễ sinh chán nản.

Như vậy, giúp học sinh đọc đúng từ ngay từ đầu, nhất là đúng trọng âm, là rất quan trọng. Và đây phải là bước đầu tiên trong dạy từ vựng, sau đó mới đến dạy viết đúng chính tả. Điều này càng trở nên cấp thiết hơn, khi thị trường lao động Việt Nam hiện nay đòi hỏi chủ yếu kỹ năng nghe nói.

### *Bước 2. Dạy viết từ*

Việc dạy viết từ đúng chính tả phải đối mặt với một thách thức lớn kể từ khi xuất hiện hình thức kiểm tra đánh giá mới, đó là trắc nghiệm. Để hoàn thành bài kiểm tra trắc nghiệm, người học không nhất thiết phải biết viết đúng từ mà chỉ cần *nhận biết* được vỏ chữ viết của từ. Hiện nay, nhiều học sinh khối 12 thậm chí còn không thể viết đúng chính tả những từ thông dụng nhất, chưa nói gì đến câu. Muốn người học chú trọng chính tả thì giáo viên nhất thiết phải duy trì hình thức kiểm tra tự luận. Bởi, trên thực tế, động cơ học tập nói chung, và học ngoại ngữ (trong đó có tiếng Nga) nói riêng, của người Việt vẫn là thành tích học tập, tức là học để thi là chính.

### *Bước 3. Dạy nghĩa từ*

Ngoại trừ một số thuật ngữ khoa học là từ đơn nghĩa, phần lớn các từ trong tiếng Nga là từ đa nghĩa. Từ càng thông dụng lại càng nhiều nghĩa. Từ được dùng ở nghĩa này hay nghĩa khác phụ thuộc vào ngữ cảnh mà nó đang được sử dụng. Ngữ cảnh có thể là một cụm từ hay một câu. Từ mới nhất thiết phải được giới thiệu trong một ngữ cảnh cụ thể. Và mỗi lần chỉ nên giới thiệu một trong các nghĩa của từ. Với nghĩa thứ hai, thứ ba v.v., từ sẽ lại được giới thiệu như một từ mới. Như vậy, xét từ góc độ giáo học pháp, không có từ nhiều nghĩa, mà sẽ có nhiều từ có vỏ âm thanh và chữ viết giống nhau. Chẳng hạn, với từ *свободный* trong cụm từ *свободное время* (Что ты делаешь в свободное время?) giáo viên chỉ cần giới thiệu một trong các nghĩa của từ này là "rỗi rãi". Các nghĩa khác của từ như "rộng rãi" trong *свободное платье*, "bỏ trống, có thể sử dụng" trong *свободное место / телефон свободен* hay "không mất tiền" trong *свободный вход/ проезд* v.v. nên đề cập vào một lần khác. Tương tự như vậy, chúng ta sẽ có 5 từ *кислый* khác nhau: *кислое яблоко* (táo chua); *кислая капуста* (bắp cải muối); *кислое*

молоко (sữa *hồng, thiu*), кислое лицо (khuôn mặt *nhăn nhó*); кислое настроение (tâm trạng *buồn bực*). 5 từ này sẽ được dạy thành 5 lần khác nhau. Có như vậy người học mới có thể dễ dàng sử dụng từ vào hoạt động giao tiếp (khiến từ *sống*), chứ không chỉ đơn thuần biết nghĩa của từ mà không biết dùng từ (để từ *chết*).

*Giải nghĩa từ như thế nào?*

• Cách giải nghĩa từ đơn giản nhất, hấp dẫn nhất đối với người dạy và quen thuộc nhất đối với người học là dùng tiếng mẹ đẻ để dịch hoặc miêu tả nghĩa của từ tiếng Nga. Xuất phát từ thực tế giảng dạy tiếng nước ngoài tại Việt Nam, khi học sinh tốt nghiệp phổ thông (chỉ học khoảng 600 giờ tiếng Nga) phải đạt chuẩn B1 và sinh viên (khoảng 1100 giờ) phải đạt chuẩn C1, tức là phải tiếp thu một lượng kiến thức và kỹ năng quá lớn so với số lượng giờ học, chúng tôi cho rằng đây là phương pháp giải nghĩa từ hữu hiệu nhất. *Dịch* (đối với những từ có tương đương trong tiếng Việt) và *miêu tả nghĩa từ* (đối với những từ không có tương đương hoàn toàn hoặc hoàn toàn không có tương đương trong tiếng Việt) *bằng tiếng mẹ đẻ* là một lợi thế mà chỉ giáo viên Việt mới có và nên tận dụng. Ưu điểm lớn nhất của phương pháp này là tiết kiệm thời gian và đó cũng là phương pháp giải nghĩa hiệu quả nhất đối với những từ mang ý nghĩa trừu tượng. Ngoài trực quan sinh động, đây là phương pháp giải nghĩa từ thích hợp nhất cho giai đoạn đầu học tiếng nước ngoài. A.N. Sukin viện dẫn quan điểm của G. Palmer cũng cho rằng, trong trường hợp từ nước ngoài có tương đương về nghĩa trong tiếng mẹ đẻ thì nên giải nghĩa từ bằng phương pháp dịch (Методика обучения русскому языку как иностранному. Хрестоматия / Сост. А.Н. Щукин. - Воронеж: Издательство Воронежского педуниверситета, 1998, trang 171).

Nhưng không phải lúc nào *dịch* cũng là lựa chọn đúng đắn. Đó là khi một nhóm từ tiếng Nga có chung một từ tương đương trong tiếng Việt, nhưng chúng lại khác nhau ở sắc thái nghĩa (хранить, беречь, сохранять – giữ gìn), sắc thái văn phong (посещать, навещать – thăm), phạm vi sử dụng (учить, учиться, заниматься, изучать – học), hay khả năng kết hợp từ (знать, уметь – biết; вопрос, проблема – vấn đề) v.v. Không chỉ người nước ngoài, mà ngay cả người bản xứ cũng có thể nhầm lẫn khi sử dụng các nhóm từ khó này. Muốn làm rõ sự khác biệt giữa các từ để sử dụng từ đúng văn phạm, nhất thiết phải dạy cả nhóm từ cùng một lúc. Tránh giải thích dài dòng, giáo viên nên đưa ra các ngữ cảnh điển hình để người học có thể *tự tìm ra* sự khác biệt của các từ. Quá trình tự phân tích và rút ra các kết luận cần thiết sẽ giúp người học ghi nhớ từ nhanh hơn và lâu hơn.

Chẳng hạn, đối với nhóm từ *хранить, беречь, сохранять, охранять* không nên dạy từng từ riêng biệt và cũng không thể dịch hay miêu tả nghĩa của các từ, bởi chúng đều có chung nghĩa là "giữ gìn để vật còn nguyên vẹn, không hỏng, không mất đi". Thành thử, việc quan trọng nhất lại là làm rõ sắc thái nghĩa riêng của các từ. Các ngữ cảnh (câu) cụ thể sẽ giúp người học nhận ra những khác biệt này:

*Мороженую рыбу хранят при температуре -18°C не более десяти месяцев; Деньги лучше хранить в банке.*

☞ Dùng *хранить* khi muốn nói đến địa điểm và điều kiện giữ gìn, bảo quản;

*Деньги – это ценность, их надо уважать и беречь.*

☞ Dùng *беречь* khi muốn nói đến thái độ đối với người/vật được giữ gìn;

*В этой статье рассказывается о том, как сохранить деньги во время кризиса.*

⊘ Dùng *сохранять* khi muốn nói vật được giữ gìn nguyên vẹn, không thay đổi về căn bản;

*Банки плохо охраняют наши деньги.* (Đầu đề của một bài báo viết về các vụ cướp nhà băng liên tiếp xảy ra.)

⊘ Dùng *охранять* khi muốn nói người/vật được bảo vệ khỏi những tác động/hành động không mong muốn.

• Bàn về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, có lẽ bất cứ chuyên gia nào cũng khẳng định rằng, giải nghĩa từ *bằng tiếng nước ngoài* là cách làm hợp lý nhất, là mục tiêu mà tất cả các giáo viên nên hướng tới. Giải nghĩa từ bằng tiếng nước ngoài đặc biệt cần thiết đối với giai đoạn giữa và nâng cao. Tuy nhiên, ngay cả ở những giai đoạn này thì trong một lớp học cũng có nhiều đối tượng người học khác nhau. Nhóm khá nhất hoàn toàn có thể hiểu nghĩa từ ngay sau lần giải thích đầu tiên. Nhóm trung bình có thể chỉ hiểu 50%, và nhóm kém nhất hầu như không hiểu. Vì vậy, nhiều giáo viên có kinh nghiệm đã chọn giải pháp giải nghĩa từ bằng cả hai thứ tiếng, tiếng nước ngoài trước (lần 1) và tiếng mẹ đẻ sau (lần 2). Để tránh tình trạng học sinh khá cũng có thể bỏ qua lần 1 vì ỷ lại vào lần 2, giáo viên nên kiểm tra mức độ hiểu từ của nhóm học sinh này ngay sau lần 1.

Có rất nhiều cách giải nghĩa từ bằng tiếng nước ngoài. Một trong những cách thông dụng nhất là:

- Dùng từ phái sinh: *преподаватель – тот, кто преподает; краснеть – становиться красным; каменистый – имеющий много камней;*

- Dùng cách diễn đạt đồng nghĩa: *век - это сто лет; дискуссия - спор, обсуждение какого-либо вопроса;*

- Miêu tả: *суша – часть земли, не покрытая водой;*

- Liệt kê: *цитрусовые – лимон, апельсин, мандарин и др.;*

- Dùng tình huống cụ thể: *Пушкин (То Хьу) - это поэт;*

- Dùng khái niệm rộng hơn: *сапфир – драгоценный камень синего или голубого цвета...*

v.v.

#### *Bước 4. Dạy biến đổi từ*

Người Việt luôn coi trọng ngữ pháp. Có thể nói, đây là thói quen được hình thành sau vô số các kỳ thi mà ở đó ngữ pháp luôn chiếm một tỷ trọng đáng kể. Tuy hệ thống hình thái ngữ pháp của từ tiếng Nga không đơn giản, nhất là đối với người học Việt Nam (tiếng Việt không có hình thái biến cách), nhưng nó cũng không gây khó khăn gì đặc biệt, và người học tiếp thu những kiến thức này khá dễ dàng.

#### *Bước 5. Dạy cách kết hợp từ (sử dụng từ vào mục đích giao tiếp)*

Một trong những nhược điểm lớn nhất của đa số người Việt khi dạy và học từ là không chú trọng đúng mức đến đặc điểm kết hợp từ của từ.

Như đã nói ở trên, từ phải đợc đạy trong cụm từ hoặc câu. Ví dụ: khi đạy từ *обед* có thể đưa ra các câu sau:

*У нас в семье обед готовит мама.*

*За обедом (во время обеда) мы говорили о детях.*

*Сегодня на обед мы едим только хлеб с колбасой.*

*Все мы довольны обедом.*

Đây cũng là một cách ôn lại những từ đã học như *готовить, есть, хлеб, колбаса, довольный...* rất hiệu quả, nhất là khi chúng ta không đợc học ngoại ngữ trong môi trường tiếng.

Để luyện viết, giáo viên có thể giao bài tập về nhà, còn tại lớp chủ yếu luyện nói. Người học nhất thiết phải đợc *нói lên thành tiếng* từ mới học. Có hai hình thức luyện tập cho người học sử dụng thông thạo từ mới học: đó là hội thoại và độc thoại. Chẳng hạn, người học có thể tham gia đối thoại bằng cách trả lời các câu hỏi của giáo viên. Đối thoại với giáo viên sẽ tiết kiệm thời gian và hiệu quả hơn là 2 hoặc nhiều người học đối thoại với nhau, bởi giáo viên chủ động trong giao tiếp và có thể dẫn dắt người học đến những tình huống bắt buộc phải sử dụng từ hay cụm từ nhất định nào đó. Với từ *обед*, giáo viên có thể đặt các câu hỏi sau:

*Кто в вашей семье готовит обед?*

*Когда вы начинаете готовить обед?*

*О чем вы говорите за обедом?*

*Что вы еще делаете во время обеда?*

*Хорошо ли смотреть телевизор (разговаривать) за обедом?*

*Что вы готовите на обед?*

*А у вас что сегодня на обед?*

*Что подают сегодня в столовой на обед?*

*Сколько стоит обед в столовой?*

Với hình thức độc thoại, có thể cho người học luyện từ thông qua việc tranh luận một vấn đề mà họ quan tâm. Mỗi người học đều có cơ hội bày tỏ quan điểm của mình, cũng như có thể đồng ý hay phản đối ý kiến của người khác. Chẳng hạn, khi đạy động từ *изменить*, có thể cho người học tranh luận về chủ đề "*Что может изменить человека?*". Khi nêu quan điểm, người học nhất thiết phải sử dụng động từ này. Trong suốt quá trình tranh luận, người học sẽ đợc nghe rất nhiều lần từ *изменить* ở các hình thái ngữ pháp khác nhau. Dạng bài tập này không chỉ giúp họ dễ dàng nhận biết vô âm thanh của từ (phát triển kỹ năng nghe hiểu), không chỉ giúp họ ghi nhớ từ, mà còn kích thích tư duy độc lập vốn không phải là điểm mạnh của học sinh, sinh viên Việt Nam. Các cuộc tranh luận cũng giúp người học làm giàu kiến thức và đặc biệt là tạo động lực học tập - yếu tố quan trọng nhất quyết định kết quả học tập.

Đối với người học đã đạt chuẩn kiến thức A1, có thể yêu cầu kể một câu chuyện, trong đó phải sử dụng cùng lúc trên dưới 5 từ mới học. Thực tế cho thấy dạng bài tập này luôn cuốn hút người học, nhất là học sinh phổ thông trung học: họ đợc thỏa sức sáng tác (ai cũng muốn có

một cốt truyện hấp dẫn), được thử thách bản thân, và quan trọng nhất là họ có thể đưa ra một sản phẩm tương đối hoàn hảo. Cũng chính vì sản phẩm là một câu chuyện, một tác phẩm hoàn hảo, nên các chi tiết của nó (trong đó có các từ mới học) cũng dễ dàng ghi nhớ hơn.

Có rất nhiều dạng bài tập khác cũng rất hiệu quả trong việc giúp người học sử dụng đúng và thành thạo từ mới học. Theo mức độ khó dần có thể liệt kê các loại bài tập sau: dùng từ mới học để gọi tên sự vật; lập cụm từ có từ mới học; đặt câu có từ mới học; đặt hội thoại hay bài kể có từ mới học; hệ thống các từ đã học theo chủ điểm v.v.

## 2. Dạy như thế nào để tăng hiệu quả ghi nhớ từ vựng

Từ mới là loại thông tin cần phải biết chính xác 100% (chỉ cần đọc sai trọng âm cũng có thể khiến người nghe không nhận biết được từ). Trong khi đó, thông tin chính xác thường rất khó ghi nhớ. Theo tiến sỹ khoa học, giáo sư E.E. Vaxilepva, ngay cả khi người học đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ thì trong trí nhớ của họ cũng chỉ còn lại được 20% thông tin mà thôi (Васильева Е.Е. Секреты запоминания английских слов. [http://www.yugzone.ru/articles/secrets\\_english\\_words.htm](http://www.yugzone.ru/articles/secrets_english_words.htm)). Giáo học pháp đã chứng minh được rằng, người học có thể sử dụng thoải mái một từ nếu như từ này được giáo viên nhắc lại từ 6-7 lần cho đến 40 lần (ở các thời điểm khác nhau). Vấn đề của giáo viên là làm thế nào để chỉ cần 6-7, chứ không phải 40 lần, và để học sinh thấy việc học từ không quá khó khăn và nhàm chán.

### *Dạy từ trong mối liên hệ của nó với các từ đã biết*

Nên dạy từ trong một khối (block) các từ có mối liên hệ ngữ nghĩa với nhau, để người học có thể lưu giữ các từ liên quan trong cùng "một ngăn" của trí nhớ. Điều này cũng giống như việc sắp xếp giá sách theo chủ đề để tiện cho việc tìm sách sau này.

- Những nhóm từ cùng gốc nên dạy cùng nhau, để học sinh thấy được mối liên hệ giữa các thành viên trong một "gia đình" từ, làm quen dần với các quy tắc cấu tạo từ, cũng như hình thành và phát triển kỹ năng phỏng đoán nghĩa của từ mới.

Những nhóm từ cùng gốc khác vĩ tố để ghi nhớ hơn, bởi vì chúng thường thuộc các từ loại khác nhau: (классическая) музыка, (уличный) музыкант, музыкальная (школа); *останавливать-остановить* (поезд), *остановка* (трамвайная), *остановочный* (тормоз).

Với những nhóm từ cùng gốc khác tiền tố, việc dạy cả nhóm từ cùng lúc để phân biệt nghĩa của các tiền tố là rất quan trọng. Mỗi nhóm từ có thể có những cách tiếp cận khác nhau, nhưng nguyên tắc chung là liên kết các từ bằng một trật tự đơn giản và lô gíc nhất có thể. Chẳng hạn, khi dạy nhóm động từ помнить, có thể bắt đầu bằng động từ запомнить (ghi nhớ thông tin), sau đó đến помнить (lưu giữ thông tin trong trí nhớ), rồi đến вспомнить (tự nhớ lại thông tin), và cuối cùng là напомнить (giúp người khác nhớ lại thông tin).

### GHI NHỚ ⇄ LƯU GIỮ ⇄ tự NHỚ LẠI

#### ⇄ giúp người khác NHỚ LẠI

Sơ đồ lô gíc này sẽ giúp người học nhớ từ dễ dàng hơn và lâu hơn.

Nên đặc biệt lưu ý khi dạy từ cùng gốc cận âm. Nhất thiết phải tìm ra được sự khác biệt lớn nhất giữa các từ này. Đôi khi chúng tôi chấp nhận cả những cách giải thích thiếu nghiêm

túc (xét từ quan điểm khoa học) để đạt được mục đích cuối cùng là giúp học sinh sử dụng đúng từ. Chẳng hạn: khi dạy cặp từ туристкий (cấu tạo từ турист) và туристический (cấu tạo từ туризм), có thể đưa ra nhận xét rằng từ sau dài hơn từ trước, vì nó phải kết hợp với những từ có ý nghĩa *to tát hơn*: туристкий рюкзак (карта, красовки...) - туристический бизнес (компания, страна...).

- Có thể dạy cùng lúc các cặp từ trái nghĩa. Như vậy sẽ tiết kiệm được rất nhiều thời gian cho các bước 3 (*giải nghĩa từ*) và 5 (*dạy cách sử dụng từ*). Bởi, xét về bản chất, cặp từ trái nghĩa (chỉ hai thái cực của một khái niệm) có đặc điểm ngữ nghĩa, có khả năng và phạm vi kết hợp từ hoàn toàn giống nhau. Hay nói cách khác, mỗi từ trong cặp trái nghĩa là tấm gương phản chiếu của từ kia và chúng cùng có khả năng xuất hiện trong một ngữ cảnh. Chẳng hạn, *холодный – горячий* cùng chỉ nhiệt độ, cùng kết hợp với những từ như *руки, блюда...*; *вверх – вниз* đều chỉ hướng theo chiều thẳng đứng, đều kết hợp với động từ chuyển động như *идти вверх/вниз по лестнице, плыть вверх/вниз по реке...*

- Cần đặc biệt lưu ý đến những từ có vỏ âm thanh và chữ viết giống hoặc khá giống nhau, nhưng có nghĩa khác nhau (*остановить(ся) / оставить(ся) / отставить...*). Những từ này nên dạy ở các thời điểm khác nhau. Học sinh cần phải biết dùng thuần thục từ này rồi mới học sang từ khác. Và giáo viên chỉ đưa ra nhận định so sánh, phân biệt nhóm từ này khi đã dạy đến từ cuối cùng trong nhóm.

- Não bộ của chúng ta vốn có khuynh hướng ghi nhận những thứ đặc biệt. Vì vậy, một trong những biện pháp hữu hiệu giúp người học tăng khả năng ghi nhớ từ chính là hình thành những liên tưởng đặc biệt với từ đó. Có thể gắn từ với những câu chuyện ấn tượng, sinh động, hài hước, khác lạ, hoặc đòi hỏi vận dụng nhiều giác quan. Chẳng hạn: những từ đáng sợ nhất đều có đuôi -НИК: *понедельник, будильник, начальник*. Từ *мир* trong tác phẩm "Война и мир" của Lép Tônxtôi không hẳn là "hòa bình", nó còn có nghĩa "nhân tình thế thái, thế giới" (2 từ đồng âm) v.v. Ngoài thế mạnh trong việc ghi nhớ từ (nhớ nhanh và nhớ lâu), phương pháp liên tưởng còn kích thích khả năng sáng tạo và mang lại nhiều hứng thú cho người học.

Nói đến những thứ "đặc biệt" thì có lẽ không thể không nhắc đến phép nghịch hợp (oxymoron). Dạy từ thông qua các kết hợp từ theo kiểu nghịch hợp không chỉ thú vị, mà còn rất hiệu quả. Người học hẳn sẽ rất dễ ghi nhớ các cụm từ *холодный кипяток, чёрное солнце, старый Новый год, горячий снег, обыкновенное чудо, оптимистическая трагедия* v.v... Những giờ học từ vựng như thế này không chỉ mở mang vốn từ cho người học, mà quan trọng hơn là cho họ thấy một cách nhìn nhận thế giới mới mẻ, độc đáo. Và sức hấp dẫn của mỗi giờ học sẽ dần chuyển thành sức hấp dẫn của chính môn học.

### 3. Chọn từ để dạy

Trí nhớ của con người không phải là một kho chứa vô tận. Vì vậy, cần phải cân nhắc nên dạy từ nào và từ nào có thể bỏ qua. Nói cách khác, cần lựa chọn một lượng từ vựng tối thiểu hợp lý. Vốn từ tối thiểu được hiểu là lượng từ ít nhất cho phép người học có thể sử dụng ngôn ngữ như một phương tiện để thực hành giao tiếp, và cũng là lượng từ nhiều nhất người học có khả năng thu nạp trong khuôn khổ chương trình học (với một số lượng giờ học nhất định) (định nghĩa của V.G. Costomarov, được trích dẫn trong *Методика обучения русскому языку как иностранному*. Хрестоматия / Сост. А.Н. Щукин. - Воронеж: Издательство

Воронежского педуниверситета, 1998, trang 166).

Đích mà chúng tôi hướng tới là khi tốt nghiệp trung học phổ thông, học sinh phải biết khoảng 1500 từ, trong đó khoảng 800 từ có thể sử dụng thông thạo khi viết và nói. Đối với sinh viên tốt nghiệp các khoa tiếng Nga thì con số này phải là 3000 từ, trong đó có 1800 từ có thể sử dụng thông thạo. Theo thống kê của các chuyên gia về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, với 3000 từ có chọn lọc, người học đã có thể hiểu đến 95% bất kỳ văn bản nào.

Việc lựa chọn vốn từ vựng tối thiểu nên dựa trên những nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc *cần thiết*: Phải chọn những từ quan trọng nhất đối với đề tài đang học, cần thiết nhất cho giao tiếp và phù hợp nhất với mục đích học ngoại ngữ của người học.

- Nguyên tắc *dễ dùng*: Nên chọn những từ có khả năng kết hợp từ cao nhất. Khả năng kết hợp từ càng cao thì càng dễ sử dụng. Chỉ nên chọn những từ trung lập về văn phong, loại bỏ những từ cổ, chẳng hạn như *еженошно* (каждую ночь), từ lóng, như *телек* (телевизор), *хвост* (несданный экзамен), từ thông tục, như *вправду* (действительно) v.v.

- Nên chọn những từ *thông dụng* nhất, có tần số sử dụng cao nhất.

- Khi chọn từ cũng nên dựa vào *đặc điểm của nhóm người học* (lứa tuổi, mục đích học ngoại ngữ, nghề nghiệp tương lai, giai đoạn học ngoại ngữ v.v...).

Chẳng hạn, ở Việt Nam hiện nay đại đa số người học tiếng Nga đều đã biết tiếng Anh ở cấp độ A1-A2 trở lên. Đây là một lợi thế cần tận dụng triệt để. Giai đoạn đầu có thể chọn dạy các từ «quốc tế», chẳng hạn như *балет, детектив, теннис, университет, ресторан, турист, школа, музыка* v.v. để người học có thể tận dụng vốn từ tiếng Anh của mình.

- Nguyên tắc *vừa sức*: Nên bắt đầu bằng những từ ngắn, dễ phát âm, nên giới thiệu nghĩa đen trước khi nói đến nghĩa bóng của từ, nên chọn những từ có nghĩa gần giống nhất với từ tương đương trong tiếng Việt.

Từ đồng nghĩa và đồng âm, theo quan điểm của chúng tôi, chỉ nên dạy chủ yếu ở giai đoạn nâng cao (B1 trở đi).

Nguyên tắc vừa sức còn thể hiện ở số lượng từ mới trong một văn bản. Theo các chuyên gia về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, số lượng từ mới chỉ nên chiếm tối đa 5% tổng lượng từ của văn bản. (Методика обучения русскому языку как иностранному. Хрестоматия / Сост. А.Н. Щукин. - Воронеж: Издательство Воронежского педуниверситета, 1998, trang 175).

Ngoài việc dạy từ vựng, dạy cách ghi nhớ từ, giáo viên cũng cần hướng dẫn người học cách sử dụng từ điển, cũng như tự lập từ điển cá nhân sao cho phù hợp với mục đích học ngoại ngữ của họ. Khác với từ điển thông thường, từ điển cá nhân không chỉ ghi lại từ, mà có thể bao gồm cả cụm từ và thậm chí là câu.

Nhà giáo học pháp người Anh Piter Hegboldt nói: «Nếu có ai đó cho rằng phương pháp của họ là tối ưu nhất, khoa học nhất và giúp học ngoại ngữ nhanh nhất thì cũng chẳng khác gì bác sỹ kê đơn loại thuốc tổng hợp chữa bách bệnh». Dạy từ vựng nói chung, và từ vựng tiếng Nga nói riêng, cũng vậy. Không có phương pháp dạy và học nào là tối ưu cho tất cả mọi người. Mỗi một nhà sư phạm có cách truyền đạt kiến thức riêng, lại có những cách riêng để tiếp cận



từng người học. Họ chỉ có một điểm chung duy nhất: không ngừng tìm tòi và sáng tạo để có thể khiến học sinh của họ yêu môn học. Bởi, chỉ cần một tình yêu ấy thôi cũng đủ làm nên vô số điều kỳ diệu.

## **Tài Liệu THAM KH ẢO**

1. Васильева Е.Е. Секреты запоминания английских слов. [http://www.yugzone.ru/articles/secrets\\_english\\_words.htm](http://www.yugzone.ru/articles/secrets_english_words.htm)
2. Крючкова Л.С. Практическая методика обучения русскому языку как иностранному: учеб. пособие / Л.С. Крючкова, Н.В. Мощинская. - 4-е изд. - М.: ФЛИНТА: Наука, 2013.
3. Методика обучения русскому языку как иностранному. Хрестоматия / Сост. А.Н. Щукин. - Воронеж: Издательство Воронежского педуниверситета, 1998. - 368 с.

